BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Lê Thành	An	Nam	01.01.2001	Nghệ An		
2	B00002	Ngô Thị	An	Nữ	31.07.2002	Nghệ An		
3	B00003	Đỗ Thu	An	Nữ	09.10.2003	Thái Bình		
4	B00004	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	04.10.2003	Lào Cai		
5	B00005	Lê Thục	Anh	Nữ	13.11.2001	Hà Nội		
6	B00006	Phạm Thị Hồng	Anh	Nữ	27.04.2003	Thanh Hóa		
7	B00007	Phùng Quỳnh	Anh	Nữ	17.08.2003	Hà Đông		
8	B00008	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	15.12.1998	Hà Nam		
9	B00009	Trần Ngọc	Anh	Nam	02.09.2002	Hà Nội		
10	B00010	Vàng Xuân	Anh	Nam	21.03.2003	Lào Cai		
11	B00011	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	12.06.2003	Thanh Hóa		
12	B00012	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	01.03.2002	Hải Phòng		
13	B00013	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	22.07.2002	Hà Nội		
14	B00014	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	17.10.2000	Hải Dương		
15	B00015	Nguyễn Lê Huy	Anh	Nam	27.08.2003	Phú Thọ		
16	B00016	Bùi Tuấn	Anh	Nam	13.09.2003	Quảng Ninh		
17	B00017	Hà Mai	Anh	Nữ	07.01.2003	Hà Nội		
18	B00018	Trần Thị Nhật	Ánh	Nữ	13.11.2002	Hà Nội		
19	B00019	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	09.11.2003	Hoà Bình		
20	B00020	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08.06.2003	Hà Tĩnh		
21	B00021	Đỗ Thanh	Bình	Nữ	17.12.2003	Hà Nội		
22	B00022	Nguyễn Thị Như	Bình	Nữ	07.11.2002	Quảng Trị		
23	B00023	Đỗ Ngọc	Châm	Nữ	10.05.2003	Hà Nội		
24	B00024	Nguyễn Ái Yến	Chi	Nữ	01.08.2003	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00025	Đặng Lê	Chi	Nữ	18.12.2002	Hà Nội		
2	B00026	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	29.10.2001	Bắc Giang		
3	B00027	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	19.04.2003	Hải Phòng		
4	B00028	Hoàng Quế	Chi	Nữ	10.10.2003	Hải Phòng		
5	B00029	Nguyễn Thị Khánh	Chi	Nữ	11.09.2002	Hải Dương		
6	B00030	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	05.04.1988	Vĩnh Phúc		
7	B00031	Lò Thị	Cúc	Nữ	08.03.2003	Điện Biên		
8	B00032	Nguyễn Đăng	Đạt	Nam	08.02.2000	Bắc Ninh		
9	B00033	Lâm Thị Phương	Đông	Nữ	07.09.2003	Bắc Giang		
10	B00034	Hạng Thị	Dua	Nữ	02.11.2004	Điện Biên		
11	B00035	Nguyễn Thế	Đức	Nam	19.10.2003	Hà Nội		
12	B00036	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	26.09.2001	Hà Nội		
13	B00037	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27.02.2003	Thanh Hóa		
14	B00038	Phan Thị	Dung	Nữ	30.07.1988	Tòng Bạt		
15	B00039	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	24.05.1999	Hà Nội		
16	B00040	Trần Thái	Dương	Nam	31.12.2003	Hà Nội		
17	B00041	Đặng Thùy	Dương	Nữ	02.12.2003	Hải Dương		
18	B00042	Đào Bùi	Duy	Nam	15.04.1994	Bắc Ninh		
19	B00043	Nguyễn Thành	Duy	Nam	25.11.1995	Hà Nội		
20	B00044	Đinh Thị Mai	Duyên	Nữ	10.07.1991	Thái Bình		
21	B00045	Hà Thị	Duyên	Nữ	28.03.2001	Sơn La		
22	B00046	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	13.06.2003	Hà Nội		
23	B00047	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	26.05.2002	Hà Tĩnh		
24	B00048	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	26.02.2002	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00049	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Nữ	18.11.2003	Hà Tây		
2	B00050	Tòng Văn	Giáp	Nam	06.02.2002	Điện Biên		
3	B00051	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	23.05.1991	Hà Nội		
4	B00052	Lê Sơn	Hải	Nam	18.09.2003	Vĩnh Phúc		
5	B00053	Chu Thị Thu	Hằng	Nữ	04.12.2002	Hà Nội		
6	B00054	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	20.04.2003	Ninh Bình		
7	B00055	Đỗ Thị	Hảo	Nữ	12.06.2000	Hà Nội		
8	B00056	Phùng Thị Hải	Hậu	Nữ	16.09.1990	Quảng Ninh		
9	B00057	Lô Thị Thu	Hiền	Nữ	10.06.1999	Điện Biên		
10	B00058	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06.02.2002	Nam Định		
11	B00059	Trần Thị	Hiền	Nữ	25.10.1997	Lào Cai		
12	B00060	Trần Thị	Hiệp	Nữ	11.10.2003	Hưng Yên		
13	B00061	Nguyễn Danh	Hiếu	Nam	25.07.2000	Thái Bình		
14	B00062	Nguyễn Chính	Hiệu	Nam	29.01.2003	Quảng Trị		
15	B00063	Nguyễn Mai	Hoa	Nữ	24.04.2007	Bắc Kạn		
16	B00064	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	06.04.2004	Hà Nội		
17	B00065	Lò Thị	Hoài	Nữ	14.04.2004	Điện Biên		
18	B00066	Lư Thị Thu	Hoài	Nữ	03.06.2003	Hải Dương		
19	B00067	Tô Thị Thu	Hoài	Nữ	11.08.2000	Vĩnh Phúc		
20	B00068	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	22.12.2003	Hà Nội		
21	B00069	Mai Thị	Hồng	Nữ	16.04.2003	Lào Cai		
22	B00070	Trần Phương	Hồng	Nữ	20.08.2002	Nam Định		
23	B00071	Nguyễn Thúy	Hồng	Nữ	21.09.1995	Nam Định		
24	B00072	Trần Thị	Huệ	Nữ	07.10.1991	Thái Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00073	Chu Mạnh	Hùng	Nam	03.11.2002	Cao Bằng		
2	B00074	Vũ Nguyễn Hoàng	Hùng	Nam	09.10.2002	Thái Nguyên		
3	B00075	Nguyễn Tất	Hùng	Nam	08.12.1995	Hà Nội		
4	B00076	Vũ Hải	Hưng	Nam	10.09.2003	Tuyên Quang		
5	B00077	Lê Lan	Hương	Nữ	08.03.2002	Bắc Giang		
6	B00078	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02.08.1988	Hải Dương		
7	B00079	Mai Lan	Hương	Nữ	14.12.2003	Thái nguyên		
8	B00080	Nguyễn Kiều Liên	Hương	Nữ	15.09.2001	Hà Nội		
9	B00081	Lê Thị Diễm	Hương	Nữ	06.11.2003	Thanh Hoá		
10	B00082	Nguyễn Hà Thu	Hương	Nữ	24.02.2001	Cao Bằng		
11	B00083	Chu Thuý	Hường	Nữ	09.09.1998	Hà Nội		
12	B00084	Vũ Hoàng Quang	Huy	Nam	19.10.2006	Thanh Hóa		
13	B00085	Kiều Tô	Huyên	Nam	15.05.2001	Hà Nội		
14	B00086	Bùi Thị Khánh	Huyền	Nữ	22.11.2000	Vĩnh Phúc		
15	B00087	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	06.01.2003	Hải Dương		
16	B00088	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	22.02.2003	Hà Nam		
17	B00089	Tạ Thị Thanh Huyền	Huyền	Nữ	19.01.1977	Hà Nam		
18	B00090	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	25.12.2002	Hải Phòng		
19	B00091	Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	16.02.2002	Yên Bái		
20	B00092	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	11.09.2003	Nam Định		
21	B00093	Lê Thị	Huyền	Nữ	09.06.2003	Thanh Hoá		
22	B00094	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	09.11.2002	Lạng Sơn		
23	B00095	Hà Lê	Khanh	Nữ	05.09.2002	Kon Tum		
24	B00096	Lê Đặng Bảo	Khanh	Nam	09.01.2003	Nghệ An		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00097	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	05.03.2006	Phú Thọ		
2	B00098	Tạ Minh	Khiết	Nam	24.10.2003	Yên Thái		
3	B00099	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	27.04.1990	Hà Nam		
4	B00100	Nguyễn Thanh	Liêm	Nam	19.08.2002	Hà Nội		
5	B00101	Phạm Khánh	Linh	Nữ	06.04.2002	Hà Nội		
6	B00102	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23.09.2003	Yên Bái		
7	B00103	Trần Thùy	Linh	Nữ	04.06.2003	Thái Bình		
8	B00104	Bùi Diệu	Linh	Nữ	24.08.2002	Hà Nội		
9	B00105	Đoàn Thị Thùy	Linh	Nữ	29.06.1989	Thanh Hóa		
10	B00106	Quyền Phương	Linh	Nữ	01.11.2003	Ninh Bình		
11	B00107	Vũ Phan Diệu	Linh	Nữ	26.03.2003	Thái Bình		
12	B00108	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	07.10.2003	Hưng Yên		
13	B00109	Thịnh Diệu	Linh	Nữ	18.04.2002	Thanh Hóa		
14	B00110	Hoàng Nhật	Linh	Nữ	30.12.2003	Hà Nội		
15	B00111	Đào Tú	Linh	Nữ	03.10.2002	Hà Nội		
16	B00112	Kiều Thuỳ	Linh	Nữ	30.11.2003	Lạng Sơn		
17	B00113	Vũ Thị	Loan	Nữ	04.04.1998	Thái Nguyên		
18	B00114	Vũ Thị Minh	Lộc	Nữ	14.11.2002	Thanh Hóa		
19	B00115	Hoàng Vũ	long	Nam	30.06.2003	Hà Nội		
20	B00116	Đỗ Thị Hiền	Lương	Nữ	21.11.2003	Ninh Bình		
21	B00117	Lê Thị Hương	Ly	Nữ	17.02.2003	Sơn La		
22	B00118	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	09.10.2003	Phú Thọ		
23	B00119	Phùng Thị	Mai	Nữ	14.11.2003	Hà Nội		
24	B00120	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04.09.2002	Hà Tây		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00121	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	21.09.2003	Bắc Ninh		
2	B00122	An Thị	Mai	Nữ	28.01.1983	Hưng Yên		
3	B00123	Mùa Ngọc	Mai	Nữ	14.02.2003	Yên bái		
4	B00124	Trần Thị	Mai	Nữ	22.07.1995	Hà Nội		
5	B00125	Bùi Hoài	Minh	Nữ	24.07.2003	Kim Bôi		
6	B00126	Đinh Nho	Minh	Nam	19.05.2003	Hà Tĩnh		
7	B00127	Lương Thanh Hiền	My	Nữ	22.07.2003	Hà Nội		
8	B00128	Bùi Lê	Na	Nữ	13.07.2003	Hà Nội		
9	B00129	Nguyễn Phương	Nam	Nam	27.10.2004	Hà Nội		
10	B00130	Vũ Minh	Nam	Nam	25.07.2000	Thanh Hóa		
11	B00131	Hoàng Thị	Nam	Nữ	24.10.2003	Nghệ An		
12	B00132	Phạm Thị	Nga	Nữ	09.09.1992	Bắc Ninh		
13	B00133	Ngô Kim	Ngân	Nữ	18.09..2002	Nam Định		
14	B00134	Lê Hồng	Ngân	Nữ	04.07.2004	Hà Nội		
15	B00135	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	01.10.2002	Hà Tây		
16	B00136	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	14.04.2000	Hòa Bình		
17	B00137	Lê Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	04.06.2001	Hải Dương		
18	B00138	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	25.07.2002	Nam Định		
19	B00139	Nguyễn Mai	Ngọc	Nữ	29.12.2000	Hà Nội		
20	B00140	Bùi Quách Ánh	Nguyệt	Nữ	07.08.2003	Hoà Bình		
21	B00141	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	11.12.2001	Hà Nội		
22	B00142	Lò Thanh	Nhàn	Nữ	02.12.2003	Sơn La		
23	B00143	Hoàng Văn	Nhật	Nam	23.01.2003	Yên Bái		
24	B00144	Lê Thị	Nhi	Nữ	27.07.2003	Thanh Hoá		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00145	Sùng Thị	Nhung	Nữ	15.04.2003	Điện Biên		
2	B00146	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	26.07.2003	Hà Nội		
3	B00147	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	30.01.2002	Hà Nội		
4	B00148	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	04.03.1991	Hà Nội		
5	B00149	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	26.09.1997	Nghệ An		
6	B00150	Trần Hồng	Nhung	Nữ	12.09.2002	Thái Bình		
7	B00151	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06.09.2003	Hải Dương		
8	B00152	Nguyễn Thị Bắc	Ninh	Nữ	29.06.2003	Bắc Ninh		
9	B00153	Đồng Thị Kim	Oanh	Nữ	16.05.1997	Thanh Hóa		
10	B00154	Cứ Thị	Phương	Nữ	21.06.2004	Điện Biên		
11	B00155	Lù Thị Minh	Phương	Nữ	15.02.2004	Điện Biên		
12	B00156	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	14.10.2006	Bắc Giang		
13	B00157	Vũ Thị Hà	Phương	Nữ	11.09.2003	Hà Tây		
14	B00158	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
15	B00159	Nguyễn Thanh	Phượng	Nữ	10.04.2001	Hà Nội		
16	B00160	Nguyễn Anh	Quân	Nam	17.02.2003	Thanh Hóa		
17	B00161	Bùi Minh	Quân	Nam	23.05.2002	Hà Nội		
18	B00162	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	29.05.2002	Hà Nội		
19	B00163	Đàm Quang	Sơn	Nam	31.12.2007	Bắc Kạn		
20	B00164	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	01.01.1999	Hà Tây		
21	B00165	Nguyễn Văn	Tài	Nam	26.04.2001	Bắc Giang		
22	B00166	Đào Thanh	Tâm	Nữ	07.10.2004	Hà Nội		
23	B00167	Lê Xuân	Thành	Nam	14.09.2003	Hà Nội		
24	B00168	Lưu Quang	Thành	Nam	04.11.2003	Thanh Hóa		
25	B00169	Nguyễn Thạch	Thảo	Nữ	16.04.2003	Hà Nội		
26	B00170	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	29.08.2001	Thái Nguyên		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (606 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00171	Vũ Phương	Thảo	Nữ	21.07.2005	Hà Nội		
2	B00172	Trịnh Thanh	Thảo	Nữ	25.09.2003	Thanh Hóa		
3	B00173	Vũ Trung	Thảo	Nữ	10.03.2003	Quảng Ninh		
4	B00174	Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	13.10.2002	Lào Cai		
5	B00175	Lý Thu	Thảo	Nữ	06.10.2000	Thái Nguyên		
6	B00176	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	20.01.1995	Hà Nội		
7	B00177	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26.03.2002	Bắc Ninh		
8	B00178	Đinh Thị	Thêm	Nữ	09.09.1996	Ninh Bình		
9	B00179	Phạm Minh	Thiện	Nam	10.10.2000	Hải Phòng		
10	B00180	Ngô Thị	Thinh	Nữ	09.04.2003	Nghệ An		
11	B00181	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20.09.1992	Nam Định		
12	B00182	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	23.10.2003	Hà Nội		
13	B00183	Nguyễn Nguyên	Thu	Nữ	18.09.1999	Hải Dương		
14	B00184	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	04.02.1994	Hà Nội		
15	B00185	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	26.03.2003	Thanh Hóa		
16	B00186	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	04.02.2003	Hà Tĩnh		
17	B00187	Cao Thị	Thúy	Nữ	27.01.2003	Nghệ An		
18	B00188	Bùi Diệu	Thùy	Nữ	11.09.2003	Bắc Ninh		
19	B00189	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	04.02.2001	Thanh Hóa		
20	B00190	Đàm Thị Thanh	Trà	Nữ	05.02.2003	Tuyên Quang		
21	B00191	Nguyễn Đặng Cẩm	Trà	Nữ	08.09.2004	Nghệ An		
22	B00192	Mai Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12.08.2001	Vũng Tàu		
23	B00193	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23.08.2004	Ninh Bình		
24	B00194	Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	13.06.2003	Phú Thọ		
25	B00195	Trương Quỳnh	Trang	Nữ	31.03.2001	Yên Bái		
26	B00196	Đinh Huyền	Trang	Nữ	04.11.1993	Hà Nội		
27	B00221	Đinh Hoàng	Lan	Nữ	27.08.1999	Ninh Bình		
28	B00222	Nguyễn Hải	Linh	Nữ	27.11.2002	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 28

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 09 (608 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 24.05.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00197	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	10.11.1999	Hải Phòng		
2	B00198	Lâm Thị	Trang	Nữ	19.03.2002	Nam Định		
3	B00199	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	23.05.2002	Quảng Ninh		
4	B00200	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	31.07.1978	Nam Định		
5	B00201	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	06.11.2003	Hà Tây		
6	B00202	Lê Thùy	Trang	Nữ	19.10.2003	Thanh Hóa		
7	B00203	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11.06.1999	Hà Nam		
8	B00204	Lương Thị Kiều	Trang	Nữ	18.09.2002	Nam Định		
9	B00205	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	13.10.2001	Ninh Bình		
10	B00206	Phạm Huyền	Trang	Nữ	06.10.2002	Thanh Hoá		
11	B00207	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	04.10.2000	Nam Định		
12	B00208	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	12.12.2003			
13	B00209	Nguyễn Thị Anh	Tú	Nữ	01.10.1985	Nghệ An		
14	B00210	Phạm Thị	Tú	Nữ	04.10.1979	Thanh Hóa		
15	B00211	Nguyễn Đình Anh	Tú	Nam	22.10.1995	Hà Nội		
16	B00212	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	05.08.1989	Hà Nội		
17	B00213	Nguyễn Viết	Tuấn	Nam	17.10.1999	Hà Nội		
18	B00214	Dương Xuân	Tùng	Nam	10.12.2000	Hà Nội		
19	B00215	Hoàng Thị	Tuyền	Nữ	05.09.1988	Quảng Ninh		
20	B00216	Ngô Thị Huyền	Vi	Nữ	20.10.2002	Hà Tây		
21	B00217	Hà Đức	Việt	Nam	27.01.1997	Tuyên Quang		
22	B00218	Lò Thị	Xuân	Nữ	01.01.2003	Lai Châu		
23	B00219	Lê Hải	Yến	Nữ	30.07.2003	Hà Nội		
24	B00220	Đặng Hải	Yến	Nữ	27.01.1998	Hà Nội		
25	B00223	Hoàng Chung	Huy	Nam	18.11.2002	Hưng Yên		
26	B00224	Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	24.02.2003	Hà Tĩnh		
27	B00225	Lê Thị Phương	Nhung	Nữ	24.04.2002	Quảng Ninh		
28	B00226	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08.04.2003	Nghệ An		
29	B00227	Bùi Thị Thanh	Huyền	Nữ	10.08.2003	Hà Nội		
30	B00228	Triệu Bảo	Ngọc	Nữ	07.02.2001	Nam Định		
31	B00229	Phạm Hữu	Duy	Nam	30.09.1991	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 31

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)